

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3//2025

Về việc tranh chấp ly hôn

và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Quốc Bảo

Bà Dương Thị Tú Phương

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Ngoãn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 316/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đào Thị T** – sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V** – sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*

** Phân trình bày của nguyên đơn:*

- Về hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện sống chung vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do tính tình không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến đời sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn

và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên không tiếp tục chung sống mà ly thân từ ngày 14/10/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc qua lại với nhau bằng mọi phương thức, hiện tại chị T không còn tình cảm với anh V, nên yêu cầu được ly hôn anh V

- Về con chung: Thời gian sống chung chị T và anh vàng có hai con chung là Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/10/2018 và Nguyễn Quốc A – sinh ngày 02/9/2021. Hiện tại hai con đang sống chung anh V, chị Tiên đồng Ý tiếp tục giao con cho anh vàng nuôi, chị Tiên đồng Ý cấp dưỡng nuôi con, với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/con (02 con là 2.000.000đ/tháng), cấp dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản và nợ: Chị T xác định chị và anh V không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

* *Phản trình bày của nguyên đơn:* Anh V vắng mặt, không nộp văn bản trình bày ý của anh.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giao thông báo thụ lý vụ án và chuyển hồ sơ không đúng quy định; Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho chị Đào Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn V.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/10/2018 và Nguyễn Quốc A – sinh ngày 02/9/2021 cho anh vàng trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con. Buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quốc T1 và Quốc A số tiền 1.000.000đ/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị T chịu phí theo quy định.

- Do chị T và anh V sống chung năm 2018 và khi chị Tiên S cháu T1 thì chị T chưa đủ 16 tuổi, khi đó anh V đủ 18 tuổi, hành vi của anh V có dấu hiệu của tội “*Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển tin báo về tội phạm cho Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

1.1. Chị T yêu cầu ly hôn với anh V, anh V có nơi cư trú tại huyện P; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V được triệu hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do, không có đơn xin vắng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về yêu cầu về hôn nhân của nguyên đơn:

Chị T và anh V tự nguyện sống chung như vợ chồng năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P B cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Do đời sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đã không còn sống chung, chị T không còn tình cảm với anh V, nên yêu cầu ly hôn anh V.

Về phía anh V: Ngay từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, nhưng anh V không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của chị đối với ý kiến trình bày và yêu cầu của chị T. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị T và anh V đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh V.

[3] Xét về quan hệ con:

3.1. Về quyền trực tiếp nuôi con khi ly hôn: Chị T và anh V có 02 con chung là Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/10/2018 và Nguyễn Quốc A – sinh ngày 02/9/2021, chị T tự nguyện giao hai con chung cho anh V nuôi khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi chị T và anh V ly thân đến nay hai cháu đã có cuộc sống chung ổn định với anh V, nên để đảm bảo đời sống của các cháu được ổn định, nên giao cho anh V tiếp tục nuôi hai con chung khi ly hôn; Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/con đến khi con tròn 18 tuổi. Xét thấy, anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, cũng không ý kiến về việc chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T. Buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quốc T1 và Quốc A số tiền 1.000.000đ/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm, đến khi con tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị T xác định chị và anh V không có tài sản chung, không có nợ chung; Anh V không nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Buộc chị T chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ chuyển sang thu án phí, buộc chị T nộp thêm số tiền án phí là 300.000đ.

Anh V không phải chịu án phí.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, theo đề nghị của Kiểm sát viên là do chị T và anh V sống chung năm 2018 và khi chị Tiên S cháu T1 thì chị T chưa đủ 16 tuổi, khi đó anh V đủ 18 tuổi, hành vi của anh V có dấu hiệu của tội “*Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chuyển tin báo về tội phạm đến Công an xã P xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 107 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T

1. Về hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao hai con chung là của chị T và anh V là Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/10/2018 và Nguyễn Quốc A – sinh ngày 02/9/2021 cho anh V trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc chị Tiên đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/con chung/tháng (hai con là 2.000.000đ/tháng), đến khi con tròn 18 tuổi.

Buộc chị Đào Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con là Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/10/2018 và Nguyễn Quốc A – sinh ngày 02/9/2021, mức cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng), mức cấp dưỡng cho hai con là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/hai con/tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/3/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Buộc chị Đào Thị T phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007158 ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), buộc chi T nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Văn V không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.